

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 4485/QĐ-UBND ngày 15/6 /2023 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng số hộ từng xã, thị trấn	Tỷ lệ %	Phân ra từng xã (Tổng kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ 1.100 triệu đồng để thực hiện tăng chuyển thu gom rác thải)	Phân ra từng xã (kinh phí ngân sách huyện bố trí 3.600 triệu đồng)	Kinh phí hỗ trợ xã NTM nâng cao, kiểu mẫu	Kinh phí hỗ trợ xã đầu nguồn cuối nguồn; nghèo	Kinh phí hỗ trợ đồng dân	Tổng số kinh phí phân bổ đợt này	Trong đó	
										Kinh phí ngân sách tỉnh	Kinh phí ngân sách huyện
	1	2	$3=((2)/31.637)*100$	$4=(3)*1.100/100$	$5=(3)*3.600/100$	6	7	8	$9=(4)+(5)+(6)+(7)+(8)=(10)+(11)$	10	11
1	Xã Phước Hưng	2.840	9	99	323	30			452	99	353
2	Xã Phước Quang	3.159	10	110	359	30			499	110	389
3	thị trấn Tuy Phước	3.356	11	117	382				499	117	382
4	Xã Phước Lộc	2.379	8	83	271				353	82	271
5	Xã Phước Thành	2.333	7	81	265	0	93		440	81	359
6	Xã Phước An	1.391	4	48	158	0		50	257	48	209
7	Xã Phước Hiệp	2.049	6	71	233	30			334	71	263
8	Xã Phước Nghĩa	1.258	4	44	143	0			187	44	143
9	Xã Phước Thuận	2.642	8	92	301	0			392	92	300
10	Xã Phước Sơn	5.736	18	199	653		30	50	932	199	733
11	Xã Phước Hòa	1.749	6	61	199		50		310	61	249
12	thị trấn Diêu Trì	2.095	7	73	238		30		341	73	268
13	Xã Phước Thắng	650	2	23	74		30		127	23	104
<b>Tổng cộng</b>		<b>31.637</b>	<b>100</b>	<b>1.100</b>	<b>3.600</b>	<b>90</b>	<b>233</b>	<b>100</b>	<b>5.123</b>	<b>1.100</b>	<b>4.023</b>